TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ - ST
Ngày 10 tháng 6 năm 2025
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

*Hội thẩm nhân dân:*Ông Phan Trọng Điền; Ông Huỳnh Văn Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 131/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số I, tổ I, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: số A, hẻm E, tổ A, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bà H và ông M quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/HT, ngày 12 tháng 05 năm 2009. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hôn nhân không còn hạnh phúc nên không còn chung sống với nhau. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M. Về con chung: bà H và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 19/3/2006 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/7/2009. Cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích N và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn Đào Văn M vắng mặt trong quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố C nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án cấp, tống đạt nhưng vắng lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 92/HT, ngày 12/05/2009 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tin tưởng nhau và thiếu sự chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến bất đồng quan điểm, không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên

không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông M có 02 con tên Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 19/3/2006 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/7/2009. Cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động. Riêng, cháu N đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con sau ly hôn nhưng ông M không có ý kiến phản đối. Do đó, xem xét điều kiện hoàn cảnh, ổn định cuộc sống và nguyện vọng của cháu N nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho bà H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hộ với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên không xét đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn cho rằng không có tài sản chung, nợ chung nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Đào Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/7/2009. Đối với con

tên Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 19/3/2006, đã trưởng thành và có khả năng tự lập. Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006183 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Châu Đốc;
- VKSND Tp.Châu Đốc;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Châu Phú B, Tp.Châu Đốc;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam